

Tên HS: .....

## TUẦN 7

### Bài 1. Số?



+



=



+



=



+



=



+



=



+



=



+



=



+



=



+



=



### Bài 2. Tính:

$1 + 1 =$

$1 + 3 =$

$3 + 2 =$

$2 + 4 =$

$1 + 1 =$

$1 + 4 =$

$3 + 3 =$

$4 + 1 =$

$5 + 0 =$

$0 + 6 =$

$0 + 2 =$

$5 + 1 =$

$2 + 3 =$

$4 + 0 =$

$2 + 2 =$

$0 + 0 =$

### Bài 5. Số?

$\boxed{1} \xrightarrow{+1} \bigcirc$

$\boxed{3} \xrightarrow{+2} \bigcirc$

$\boxed{4} \xrightarrow{+2} \bigcirc$

$\boxed{0} \xrightarrow{+2} \bigcirc$

$\boxed{\phantom{0}} \xrightarrow{+1} \boxed{3}$

$\boxed{2} \xrightarrow{+2} \bigcirc$

$\boxed{\phantom{0}} \xrightarrow{+2} \boxed{6}$

$\boxed{1} \xrightarrow{+2} \bigcirc$

**Bài 6.** <, >, =

$6 \dots 5$

$5 + 0 \dots 5$

$2 \dots 5$

$1 + 1 \dots 3 + 2$

$3 \dots 4$

$8 \dots 2 + 1$

$2 + 3 \dots 10$

$1 + 4 \dots 3 + 3$

$8 \dots 6$

$5 \dots 3 + 1$

$4 \dots 0 + 5$

$5 + 1 \dots 4 + 2$

**Bài 7.** Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

- Số liền trước của 8 là: .....

- Số lớn nhất bé hơn 3 là: .....

- Số liền sau của 2 là: .....

- Số lớn nhất bé hơn 7 là: .....

- Số bé nhất có một chữ số là: .....

- Số bé nhất lớn hơn 4 là: .....

- Số lớn nhất có một chữ số là: .....

- Giữa 5 và 7 gồm các số: .....

**Bài 8.** Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$2 = \dots$

$\dots < \dots < 2$

$\dots < \dots > \dots < 3$

$3 < \dots > \dots < 6$

$\dots = 6$

$2 > \dots > \dots$

$5 > \dots < \dots < 2$

$9 > \dots < \dots < 6$

$8 = \dots$

$9 > \dots > 7$

$4 < \dots > \dots > 7$

$7 < \dots > \dots < 10$

**Bài 8:** Viết phép tính thích hợp

$\square + \square = \square$



$\square + \square = \square$

